

Đương Số: Nguyễn Hồng Phúc - Dương Nam
 Cung mệnh: **Kỳ Mão** - Thai Nguyên: **Mậu Dần**
 Thân Nhược: **Hỏa** 16/50
 Dụng Thần: **Mộc** Kim



Trụ Năm 2020 Tài CANH Quý Sát Đ.Vượng Tuyệt Tướng Tinh Không Vong	Trụ Tháng 11 Tỷ ĐINH Giáp Ấn T.Sinh Thái Thiên Ất QN Văn Xương Dịch Mã Thái Cực Tú Quý Nhân Vong Thần Phúc Tinh	Trụ Ngày 10 Thân ĐINH Bính Kiếp Tuyệt Đế Vượng Giáp Lộc Tú Quý Nhân	Trụ Giờ 6:01 Sát QUÝ MÃO Ất Kiêu Tử Bệnh Thái Dương Cầu Hong Loan
Đại Vận 0 (0 - 7 tuổi) Tỷ ĐINH Giáp Ấn T.Sinh Thái	Đại Vận 1 (8 - 17 tuổi) Thương MẬU TÝ Quý Sát L.Quan Thái	Đại Vận 2 (18 - 27 tuổi) Thực KỶ Kỷ Thực Mộ Mộ	Đại Vận 3 (28 - 37 tuổi) Tài CANH Giáp Ấn L.Quan Tuyệt Mậu Thương T.Sinh
Đại Vận 4 (38 - 47 tuổi) T.Tài TÂN MÃO Ất Kiêu L.Quan Tuyệt	Đại Vận 5 (48 - 57 tuổi) Quan NHÂM Mậu Thương Q.Đới Mộ Thìn Ất Kiêu Q.Đới Dưỡng	Đại Vận 6 (58 - 67 tuổi) Sát QUÝ Bính Kiếp L.Quan Thái Tý Mậu Thương L.Quan T.Sinh	Đại Vận 7 (68 - 77 tuổi) Ấn GIÁP Đinh Tý L.Quan Tử Ngọ Kỷ Thực L.Quan
Đại Vận 8 (78 - 87 tuổi) Kiêu Ất Kỷ Thực Q.Đới Dưỡng Mùi Ất Kiêu Tý Dưỡng Q.Đới	Đại Vận 9 (88 - 97 tuổi) Kiếp BÍNH Canh Tài L.Quan Bệnh Thân Mậu Thương Bệnh T.Sinh	Đại Vận 10 (98 - 107 tuổi) Tý ĐINH DẬU Tân T.Tài L.Quan T.Sinh	Đại Vận 11 (108 - 117 tuổi) Thương MẬU Mậu Thương Mộ Mộ Tuất Đinh Tý Dưỡng Tân T.Tài Q.Đới

Tài 2020 1 tuổi CANH TÝ Tử	T.Tài 2021 2 tuổi TÂN SỬU Dưỡng	Quan 2022 3 tuổi NHÂM DẦN Bệnh	Sát 2023 4 tuổi QUÝ MÃO T.Sinh	Ấn 2024 5 tuổi GIÁP THÌN Suy
Kiêu 2025 6 tuổi Ất TÝ M.Dục	⚡Kiếp 2026 7 tuổi BÍNH NGỌ Đ.Vượng	Tý 2027 8 tuổi ĐINH MÙI Q.Đới	Thương 2028 9 tuổi MẬU THÂN Bệnh	⚡Thực 2029 10 tuổi KỶ DẬU T.Sinh
Tài 2030 11 tuổi CANH TUẤT Suy	T.Tài 2031 12 tuổi TÂN HỢI M.Dục	Quan 2032 13 tuổi NHÂM TÝ Đ.Vượng	Sát 2033 14 tuổi QUÝ SỬU Q.Đới	Ấn 2034 15 tuổi GIÁP DẦN L.Quan
Kiêu 2035 16 tuổi Ất MÃO L.Quan	Kiếp 2036 17 tuổi BÍNH THÌN Q.Đới	Tý 2037 18 tuổi ĐINH TÝ Đ.Vượng	Thương 2038 19 tuổi MẬU NGỌ Đ.Vượng	Thực 2039 20 tuổi KỶ MÙI Q.Đới
Tài 2040 21 tuổi CANH THÂN L.Quan	T.Tài 2041 22 tuổi TÂN DẬU L.Quan	Quan 2042 23 tuổi NHÂM TUẤT Q.Đới	⚡Sát 2043 24 tuổi QUÝ HỢI Đ.Vượng	Ấn 2044 25 tuổi GIÁP TÝ M.Dục
Kiêu 2045 26 tuổi Ất SỬU Suy	Kiếp 2046 27 tuổi BÍNH DẦN T.Sinh	Tý 2047 28 tuổi ĐINH MÃO Bệnh	Thương 2048 29 tuổi MẬU THÌN Q.Đới	Thực 2049 30 tuổi KỶ TÝ Đ.Vượng
Tài 2050 31 tuổi CANH NGỌ M.Dục	T.Tài 2051 32 tuổi TÂN MÙI Suy	Quan 2052 33 tuổi NHÂM THÂN T.Sinh	Sát 2053 34 tuổi QUÝ DẬU Bệnh	Ấn 2054 35 tuổi GIÁP TUẤT Dưỡng
Kiêu 2055 36 tuổi Ất HỢI Tử	Kiếp 2056 37 tuổi BÍNH TÝ Thái	Tý 2057 38 tuổi ĐINH SỬU Mộ	Thương 2058 39 tuổi MẬU DẦN T.Sinh	Thực 2059 40 tuổi KỶ MÃO Bệnh
Tài 2060 41 tuổi CANH THÌN Dưỡng	T.Tài 2061 42 tuổi TÂN TÝ Tử	Quan 2062 43 tuổi NHÂM NGỌ Thái	Sát 2063 44 tuổi QUÝ MÙI Mộ	Ấn 2064 45 tuổi GIÁP THÂN Tuyệt
Kiêu 2065 46 tuổi	Kiếp 2066 47 tuổi	Tý 2067 48 tuổi	Thương 2068 49 tuổi	Thực 2069 50 tuổi

AI	DẬU	Tuyệt	BINH	TUAI	Mộ	ĐINH	HỢI	Thai	MAU	TY	Thai	KY	SUU	Mộ
Tài	2070	51 tuổi	T.Tài	2071	52 tuổi	Quan	2072	53 tuổi	⚡ Sát	2073	54 tuổi	Ấn	2074	55 tuổi
CANH	DẪN	Tuyệt	TÂN	MÃO	Tuyệt	NHÂM	THÌN	Mộ	QUÝ	TỶ	Thai	GIÁP	NGỌ	Tử
Kiêu	2075	56 tuổi	Kiếp	2076	57 tuổi	Tý	2077	58 tuổi	Thương	2078	59 tuổi	Thực	2079	60 tuổi
ÁT	MÙI	Dưỡng	BÍNH	THÂN	Bệnh	ĐINH	DẬU	T.Sinh	MAU	TUẤT	Mộ	KỶ	HỢI	Thai

Kim Hòa Thủy Thổ Mộc ⚡ Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Cháu những vấn đề mà Quý Cháu đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Cháu hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Cháu không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Cháu dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dụng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Cháu nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi đều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Cháu cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Cháu đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTuong.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Cháu mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!
Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ năm **Tý Thủy** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ tháng **Hợi Thủy** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ ngày **Ty Hỏa** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ giờ **Mão Mộc** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 0/10

Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Canh** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Đinh** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Đinh** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Quý** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Đế Vượng** nên được Lệnh tháng.

Thai nguyên: **Mậu Dần** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tứ: **Nhâm Thân** (Thai tứ là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tứ thì chúng tôi cho rằng giữa hai cặp can chi Mậu Dần và Nhâm Thân này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gặp cung mệnh **Kỷ Mão** nạp âm là **Thổ** là bình hòa, theo lý là cuộc đời Quý Cháu phúc lộc bình hòa.

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ năm **Canh Tý** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi thiếu niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ tháng **Đinh Hợi** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi thanh niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ ngày **Đinh Ty** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoảng thời gian ở tuổi trung niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ giờ **Quý Mão** nạp âm là **Kim** là tương sinh thì trong khoảng thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quý** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, cố gắng cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Canh Tý** là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Đinh Hợi** là **Thủy** khắc **Hỏa**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Đinh Ty** là **Hỏa Hỏa** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Quý Mão** là **Thủy** sinh **Mộc**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chưa được tốt cho lắm, chưa lưu thông vẫn còn trở ngại, tuy nhiên chỉ cần khi thời cơ đến làm dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 5/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi **Đinh Ty** và **Canh Tý** này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi **Đinh Ty** và **Đinh Hợi** này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi **Đinh Ty** và **Quý Mão** này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Thân Nhược: **Hỏa 16/50**

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Cháu có Thân

Hỏa Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là **16/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **17/36** điểm cũng là thân Nhược do đó rất chắc chắn Quý Cháu là **Thân Nhược Hỏa**. Để Quý Cháu Trai rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, đó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược **Hỏa** thì dụng thần nên là **Mộc** để sinh thêm **Hỏa**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Cháu là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Cháu là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Cháu là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Cháu khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Cháu không chết úng.

Dụng Thần: Mộc Kim (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Mộc (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cấy giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tổ chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Cháu vì **Mộc** là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là Kim (dụng thần 2)

Hành Kim đại diện cho màu trắng, bạc, màu ánh kim, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Tây, hướng Tây Bắc. Kim đại diện cho các sự vật như kim cương, vàng bạc, trang sức, tài chính, kinh tế, ngân hàng, quý tín dụng, cơ khí kim loại, máy móc, xe cộ, công cụ kim loại, đồ gia dụng bằng thép, nhôm, đồ dùng nhà bếp bằng thép, sắt, đồng hồ, gương soi. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành Kim đều tốt cho Quý Cháu vì Kim là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Kim.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Cháu nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Cháu là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương**

sinh để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Cháu là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Cháu hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Cháu có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Cháu, ví dụ chữ dụng thần Quý Cháu có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Cháu hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Cháu, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Cháu mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm **Canh Tý** bị **Bính Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Ngọ**.

Trụ Tháng **Đinh Hợi** bị **Quý Tỵ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Quý Tỵ**.

Trụ Ngày **Đinh Tỵ** bị **Quý Hợi** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Quý Hợi**.

Trụ Giờ **Quý Mão** bị **Kỷ Dậu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Kỷ Dậu**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Cháu nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Cháu, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Cháu hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Ấm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	T thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đờm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tý, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đai	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Hỏa

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Hỏa có nước da vàng, râu vàng, mũi lộ; lông mày thưa, ngực nổi, bàn tay nhọn, trán dô; môi cong, răng lộ và nhỏ nhọn; đầu bằng và đỉnh đầu bằng; tay chân gầy khăng, gân guốc; điệu bộ nhanh nhẹn; tai nhọn, tròng mắt khô; lưỡng quyền cao và tiếng nói mau.

Nhìn chung, người thuộc Hỏa hợp với phương Nam. Thích hợp với các nghề có liên quan tới văn hóa, nghệ thuật hoặc công việc kinh doanh những mặt hàng đó, chẳng hạn như ánh sáng, cắt tóc, thực phẩm, giáo viên, xuất bản, văn phòng phẩm...

Quý Cháu Người Thuộc Hỏa Nhược

Người mà Hỏa suy thì dáng người gòc nhọn, tướng gầy, da vàng, nói năng ề à, dối trá, bản tính cay độc, làm việc thường chỉ nhiệt tình, hăng hái được lúc đầu, sau đó bỏ bê, có đầu mà không có cuối. Người Hỏa quá suy, cũng thường dễ mắc các bệnh như người Hỏa quá vượng (bệnh phần mặt, răng, lưỡi), tuy nhiên, dễ mắc những bệnh liên quan tới hệ tiêu hoá hơn.

Cung Mệnh ở Mão có sao Thiên xích

Quý Cháu khăng khải hào phóng, có quyền khiêm tốn mới bền.

Trụ năm của Quý Cháu có Chánh Tài

Trụ năm có chính tài (tài) ông bà bố mẹ giàu có nếu tháng trụ lại có chính quan thì gia đình phú quý. Trường hợp năm tháng đều có chính quan thì nam thừa kế hai nhà hoặc lấy hai vợ.

Trụ tháng của Quý Cháu có Tỷ

Trụ tháng có tỷ kiên (Tỉ) là có anh chị em nuôi hoặc là con nuôi, có khuynh hướng độc lập không dựa vào gia đình, thích tranh luận biện lý tài. Trường hợp tháng chi có tỷ kiên nữa mà trong trụ không có sao quan thì tính bạo loạn.

Trụ ngày của Quý Cháu có Kiếp Tài

Trụ ngày có kiếp thì hôn nhân muộn hoặc có biến động nếu mang thêm dương nhấn thì trai hình vợ, nữ khắc chồng. Nam đoạt tài vợ. Người bạn đời kiêu ngạo, thích ăn diện, phù hoa không thực, khăng khải trọng tình nghĩa.

Trụ giờ của Quý Cháu có Thiên Quan

Trụ giờ có thiên quan (sát) thì con cái tính cương trực. Trường hợp giờ can Thiên quan mà ngày chủ vượng, bốn can có sao tài, ấn thì đại phú quý, tài sản dồi dào. Trường hợp nữ có ngày tọa dương nhấn thì khắc chồng. Nếu giờ can thiên quan mà có chế thì sinh quý tử nhưng xa con.

Chi ngày xung chi tháng

Ngày chi xung tháng chi: Phạm cha, mẹ anh em.

Ngày sinh của Quý Cháu là ngày Tứ Phát

Gặp ngày tứ phát hay là Tứ Phế chủ làm việc khó thành nhưng có đầu có đuôi, khó đạt được như ý nguyện.

Ngày sinh của Quý Cháu là ngày Cô Loan Sát

Gặp ngày Cô Loan Sát nam thì dễ khắc vợ, nữ thì dễ khắc chồng, chậm có con.

Ngày sinh của Quý Cháu là ngày Nhật Nhấn

Gặp ngày Nhật Nhấn chủ về có dũng khí, quả quyết, nam phần nhiều khắc vợ, nữ phần nhiều khắc chồng.

Tứ Trụ của Quý Cháu có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

Tứ Trụ của Quý Cháu có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỳ không vong hình xung khắc phá.

Tứ Trụ của Quý Cháu có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Trụ ngày có Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Tứ Trụ của Quý Cháu có Dịch Mã

Dịch mã / Trạch mã sao chủ về di chuyển điều động. Gặp xung: như ngựa hoang chạy nhảy. gặp hợp như ngựa đã buộc dây đeo yên khó lòng bay nhảy. Năm vận gặp dịch mã thì di cư thay đổi nghề nghiệp hoặc ra nước ngoài.

Ngày chủ yếu, tứ trụ có Dịch mã

Ngày chủ yếu, tứ trụ có Dịch mã: cả đời bôn ba lao khổ.

Trong tứ trụ có Kiếp Sát

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp.

a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tửu sắc phá gia tài.

b: Với thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ.

c: Với hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán.

Trong tứ trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

a: Với hỷ dụng thân: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.

b: Với kỵ thân cùng chi và Thất sát, Dương nhẫn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.

c: Với kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

Trụ ngày có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Chi ngày có sông đê chủ mất lời, tính nóng hung bạo hại người hay theo bè đảng, gặp sinh vượng còn đỡ, gặp tử tuyệt thì nặng hơn.

Trụ ngày có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Nam gặp sông đê (ở mệnh?) lấy vợ hai lần, nữ gặp sông đê tất sẽ tái giá.

Nữ nếu trụ ngày sông đê (tức Kiếp Tài) gặp sát

Nữ nếu trụ ngày sông đê gặp sát, nếu không làm vợ lẽ thì cũng là ni cô.

Tứ Trụ có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Người mà ngũ hành lại gặp sông đê thì dễ gặp tai nạn máu me, ngày gặp sông đê còn chủ về vợ hay bệnh tật.

Trụ ngày có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Ngày có Sông đê: Vợ hoặc chồng yếu đau bệnh tật.

Cô Loan (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa)

Cô loan: chủ yếu nói về hôn nhân không thuận. "Nam khắc vợ, nữ khắc chồng".

Tứ phế (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 164)

Phế là giam nhốt mãi. Mệnh có tứ phế thì mọi việc không thành, có đầu không có đuôi. Tứ phế chủ về thân yếu, nhiều bệnh, không có năng lực, nếu không gặp sinh, phù trợ mà còn bị khắc hại, hung sát áp chế thì chủ về thương tật tàn phế, kiện tụng cửa quan, thậm chí bị giam, hoặc người theo tăng đạo. Cho nên trong tứ trụ, cho dù là năm, tháng, ngày giờ gặp phải đều không tốt, đặc biệt là nhật nguyên (hành can trụ ngày) thì càng không tốt.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tứ khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tứ trụ của Trần Viên trang 230)

Trạch mã là hỷ, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận đơ. Mã là kỵ, nhiều nhất là bôn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuần mã được thúc thêm; mã bị hợp hoặc bị hóa thì như mã bị trói. Mã tinh là thực thương nếu gặp tài vận là hỷ, phát tài rất nhanh. Nhâm thân, quý Dậu là kiếm phong mã, trụ ngày người như thế là gặp mã tinh. Người xưa nói: "Đầu ngựa treo kiếm là uy trấn biên cương". Mã tinh ở trụ giờ thì thường được điều động di xa, ra nước ngoài, v.v..

Cầu (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba sau mệnh là cầu. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba trước mệnh là cầu. Cầu nghĩa là liên lụy. Năm hành đến đó thường gặp chuyện cãi cọ, hình phạt. Ngày tuế vận gặp cầu hay giảo là chủ về tai nạn nát thân.

Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong tức là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gặp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gặp tài cục là tài vượng, gặp quan cục là quan vượng, gặp thương quan cục là xì hơi.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thần, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt tức là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu tức là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là

người nông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẫn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tửu sắc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghề nhờ việc công. Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nói được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

Kinh dương / Dương nhấn (trích sách Nhập Môn Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Trần Viên trang 232)

Mệnh gặp phải Kinh dương là hung nhiều cát ít. Lộc quá mức thì sinh kinh dương tức là thành công đến cực đỉnh mà vẫn chưa rút lui thì sẽ vượt quá giới hạn cho nên sẽ bị tổn thương vậy. Nếu là người có quý mệnh để áp chế sát thì kinh dương kết hợp tướng tinh sẽ tạo thành uy phong không ngăn cản nổi. Thân nhược gặp kinh dương thì nó có thể giúp trợ thân, nhưng mệnh có kinh dương thì nguy hiểm như làm bạn với hổ. Nếu kinh dương bị hợp xung, bị hình hoặc lâm tuế vận thì dễ bị tai nạn nghiêm trọng.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần túy không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kỵ kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ách quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thể. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thì đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vươn lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh

đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Can năm Quý Cháu là dụng thần thì cha mẹ song toàn

Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ

Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Cháu gặp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Nhật nguyên Quý Cháu sinh trụ năm thì con hiếu kính cha mẹ.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỷ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Chính ấn gặp trạch mã thì cha mẹ lập nghiệp ở phương xa.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phạm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị li dị.

Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giành tôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giành giật nhau châu báu hồng, nên gọi là tỉ kiếp khắc cha.

Trụ năm Quý Cháu là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Tứ trụ Quý Cháu có Tỉ kiếp trùng trùng thì nhất định khắc cha.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm, trụ tháng có tài, quan, ấn là ba đời giàu sang.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Can năm làm dụng thần là tốt, tức là được âm đức của cha ông để lại.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Bị kinh dương, thất sát cướp đoạt tài

Bị kinh dương, thất sát cướp đoạt tài hoá quỷ (xấu) là nhà cửa sa sút, xa rời quê hương.

Ấn tinh bị thương thì làm hồng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.

Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc ấn thụ

Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc ấn thụ và không bị khắc hại, hình, xung thì tổ nghiệp phú quý vinh hoa.

Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, mộ địa hoặc bị hình, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lênh đênh.

Trong Tứ trụ gặp cả vong thần, thất sát là cha ông không để lại được gì.

Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.

Thân, tài đều nhược thì khó mà giữ được gia nghiệp.

Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.

Trụ tháng phá tài quan là ông cha nghèo không để gì lại gì, tay trắng dựng cơ đồ.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiếp Quý Cháu gặp nhiều là anh chị em đông đúc.

Tỉ kiếp Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Cháu đóng ở trạch mã là anh chị em đi xa.

Trụ ngày Quý Cháu yếu, mà không có tỉ kiếp thì lấy ấn để tính số lượng anh em.

Thất sát mà vượng, tỉ kiếp nhiều thì anh em đông mà lại đồng tâm.

Lệnh tháng Quý Cháu gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có tỉ kiếp, kinh dương là anh em bất hoà, thường hay cãi nhau.

Tỉ kiếp Quý Cháu bị xung khắc là anh em bất hoà hoặc nhiều bệnh tật.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Cháu về hôn nhân như sau.

Quý Cháu Nam tuổi Canh **Tý** hợp với Nữ tuổi Tân **Dần** - **Mậu** Thân - **Kỷ** Dậu về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Cháu có thể tùy ý chọn.

Quý Cháu có Can chi của ngày giống nhau là hao tổn tài, không lợi cho vợ chồng.

Nam gặp tỉ kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tỉ kiếp sẽ tranh chồng.

Quý Cháu gặp kinh dương thì vợ chồng bất hòa và không lợi cho con.

Nam gặp kinh dương là lấy vợ hai lần, nữ gặp kinh dương tất sẽ tái giá.

Quý Cháu bị mã phục ở dưới ngang vai (anh em) thì vợ chồng lấy nhau không giá thú.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có phu tinh, thê tinh hợp nhau là cuối cùng có sự ly biệt.

Quý Cháu bị Cô loan nhập mệnh là chồng khóc vợ, hoặc vợ khắc chồng.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Cháu có Kiếp tài đóng ở ngày, chủ về vợ nội trợ tốt, hoặc nhờ vợ mà phát tài.

Quý Cháu có Tài tinh đóng ở ngày lại là tương tinh thì nhất định vợ là con nhà phú quý.

Chi ngày Quý Cháu là dân thân tị hợp thì vợ đôn hậu

Mệnh nam Quý Cháu lấy suy làm hại.

Quý Cháu Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có kinh dương gặp tuế vận là của cải hoa tán, khắc vợ, hại con.

Trong cục có tài nhiều thì khắc vợ nặng, không có tài thì khắc nhẹ hơn. Khi mà can chi của đại vận gặp can chi lưu niên (tức trong 60 ô nhỏ theo từng năm trên lá số) thì gọi là tuế vận.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có kiếp tài, kinh dương là khắc cha, làm tổn thương vợ, hoa tán của cải.

Quý Cháu có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Cháu Gặp cả kinh dương và kiếp tài thì phải lấy vợ lần nữa.

Quý Cháu có Kinh dương đóng ở trụ ngày thì vợ không hiền và hao tài.

Quý Cháu có Tài tinh đã bị tỉ kiếp gặp tuế vận

Tài tinh đã bị tỉ kiếp, tuế vận lại còn gặp tỉ kiếp thì năm đó nếu không bị tổn thương tài, phá tài cũng sẽ bị kiện tụng. Khi mà can chi của đại vận gặp can chi lưu niên (tức trong 60 ô nhỏ theo từng năm trên lá số) thì gọi là tuế vận.

Quý Cháu có Ngang vai hợp với chính tài là vợ đoan trang nghiêm túc.

Quý Cháu có Tài tinh gặp tỉ kiếp lại không được cứu trợ thì đề phòng vợ gặp tai ương mà chết.

Quý Cháu có Tỉ kiếp, nguyệt kiến vượng là tuổi trẻ đã chết vợ.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có của hay không, hoặc của nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có của, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu: "Có của không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tứ trụ Quý Cháu có tài thì cái ăn, cái mặc không thiếu.

Quý Cháu có Tài lộ rõ là người hào phóng khảng khái.

Quý Cháu có Tài, Tài là thể tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Cháu có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có của thì khó mà quyền quý.

Quý Cháu có Tài nhiều, thân nhược cần có ấn thụ để hỗ trợ thân.

Quý Cháu có Cung tị đóng ở ngày quý là tài quan trọn vẹn.

Quý Cháu có tài nhiều lại dựa vào ấn thụ để hộ thân là người có vợ hiền, con đẹp, cuối đời hạnh phúc.

Quý Cháu Thân nhược, tài nhiều khi hành đến vận tị kiếp thì mới phát tài.

Quý Cháu Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân Sửu, người tị, Dậu, Sửu gặp ất Mùi, người thân, tý, thìn gặp bính Tuất ; người hợi, mao, mùi gặp mậu Thìn, như thế gọi là thể tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Cháu có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp của.

Tài tinh Quý Cháu chỉ có một ngôi mà được thời là nhà phú quý, nhưng người tính nóng

Quý Cháu thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Quý Cháu Thân nhược, tài nhiều lại còn gặp tị kiếp lạm dụng thân thì tiền bạc đầy lưng.

Quý Cháu có Tài nhiều gặp tị kiếp trợ giúp là nhà giàu thịnh vượng.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì châu báu tự nhiên mà đến.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Trong trụ Quý Cháu vốn có tài tinh thì nên hành đến quan vận, hành quan vận sẽ phát tài.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Quan sẽ phát tài.

Quý Cháu Trước tị, sau tài là trước nghèo sau giàu.

Quan tinh Quý Cháu là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Quý Cháu có Tài mừng gặp sát, mười người có đến chín người phú quý.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Cháu có 1 Tài lộ 1 Tài ẩn

Quý Cháu Tị, kiếp nhiều nếu đến đại vận lưu niên mà gặp tị kiếp là năm đó phá tài, ra cửa quan (bị ra tòa).

Trong trụ có tị kiếp, có tài tranh tài, khi không có tài là lúc hoạ đến; anh em tranh của, vợ chồng tranh giành nhau.

Quý Cháu có Tài rơi vào không vong tất sẽ nghèo.

Tài tinh gặp kinh dương thì mất của, mất người.

Quan Vận

Quan Ấn Quý Cháu ở trụ năm và tháng, làm quan hay lui tới cung điện.

Quý Cháu có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Cháu có Tài sinh Thất Sát, quyền uy trên cả vạn người, có thêm Ấn tương phù, làm quan cao cực phẩm.

Quý Cháu Ấn lâm Thiên Ất, mấy đời làm quan.

Quý Cháu có Tài trước, sau là Ấn, mỗi năm thăng quan một lần (Trụ năm Tài trụ tháng Ấn hoặc tháng Tài giờ Ấn).

Thất Sát Quý Cháu có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Cháu có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Cháu Vào ra nơi quyền quý, trên đầu quý nhân phải là Quan tinh (Trụ tháng có Thiên Ất quý nhân).

Quý Cháu có Thương Quan đới Ấn, nhậm chức chính đốn kỹ cương trong triều.

Quý Cháu có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Tài tinh Quý Cháu yếu, làm quan không lâu.

Quý Cháu có Tài Quan Ấn đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Quý Cháu Mệnh gặp Ất Bính Đinh, đới Không vong sinh vượng, ẩn sĩ trong núi.

Ấn Quý Cháu bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Cháu có Thương Quan đới Ấn, có đảm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Nghề Nghiệp

Quý Cháu có Sát Ấn tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Cháu có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Cháu có Sát Ấn tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Cháu có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Quý Cháu có Tài chế Thiên Ấn, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Cháu có Chính Quan Thiên Ấn tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Nhật chi tọa Thương Quan hoặc thiên can thấu Thiên Quan, hợp nghề kỹ thuật, sản xuất, học giả.

Quý Cháu Có Tài tinh và Dịch Mã, hợp giao thông vận tải, buôn bán, thông tin, truyền thông...

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Kim

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Kim, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới kim, như kinh doanh dụng cụ kim loại, máy móc của nhà máy, xe hơi, giao thông, tiền tệ, electronics, công trình, khai khoáng. Sự nghiệp phát triển lợi hướng Trung Tây, không lợi Đông Nam.

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Mộc

Tứ trụ hỷ dụng thần Quý Cháu là Mộc, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản, công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đình hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là

đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đưa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Trụ ngày Quý Cháu phạm cô loan là không có con, chỉ khi nào đến vận gặp Quan tinh thì mới có con.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh,hiền hiếu, làm rạng rỡ tổ tiên.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can Quý Cháu giờ vượng là sinh con trai.

Người sinh vào ngày giờ bính, đinh thì mắt to, râu dài, trán hẹp, tuổi trẻ nhiều bệnh hoạn.

Sinh vào giờ nhâm, quý là người mắt to, ham rượu, tính liều.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có 3 chữ thổ thì sinh ngoài bãi, bờ đê, hoặc chốn công trường.

Người sinh vào các giờ tí, ngọ, mao, dậu là lúc sinh ra nằm ngửa.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Cháu có Can ngày can giờ khắc nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Quý Cháu có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Quý Cháu thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Trẻ em thân nhược lại gặp sát vượng thì không chết cũng tàn phế.

Quý Cháu có thất sát đóng ở trụ giờ thì con cái tính hung bạo, không nghe lời.

Giờ khắc can ngày là con không kính trọng cha.

Quý Cháu Trong trụ có kim thủy thì đưa con chậm nói.

Quý Cháu Trong trụ có mộc là sớm biết nói.

Trong trụ Quý Cháu sát ở ngôi tý thì con ngỗ ngược.

Mao dậu đóng Quý Cháu ở trụ giờ thì mắt to hoặc là mắt hiếng, bình thường hay lêu lổng chơi bời, thích xa rời cha mẹ. Nếu trong trụ có hình khắc thì có thể chột mắt.

Về dự đoán đưa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Cháu có Thương quan bị chế phục thái quá, đề phòng mắt đau, chân đau.

Hỏa quá nhược hoặc tử tuyệt, dễ bị bệnh tim, bệnh bại huyết, viêm khớp, hôi chân, đau mắt. Tuổi còn trẻ thì dạ dày không tốt.

Nhật chủ cao cường, bình sinh ít bệnh.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tý sửu dần mao...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự

manh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỹ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Cháu hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Dời	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ân**(Chánh Ân), **Kiếp**(Phiến Ân, Thiên Ân), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỹ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Cháu hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Cháu có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Cháu chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980	Trụ Tháng 04	Trụ Ngày 16	Trụ Giờ 17:17
Thương Dưỡng CANH THÂN L.Quan Canh Mậu Nhâm Thương Kiếp Tài Dưỡng Q.Đời Mộ	Thương Dưỡng CANH THÂN Dưỡng Mậu Ất Quý Kiếp Sát T.Tài Q.Đời Q.Đời Dưỡng	Thần Tỹ Suy KỶ MÙI Q.Đời Kỷ Ất Đinh Tỹ Sát Kiêu Suy Q.Đời Suy	T.Tài Dưỡng QUÝ DẬU Bệnh Tân Thực Mộ

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Cháu Trai
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Cháu Trai
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Cháu Trai
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Cháu Trai

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỹ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại

diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền binh”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ấn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Ấn (Chánh ấn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghè.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghẻ lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì điềm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyển, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiểu thẳng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cầu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu át là tài thì kho là dần và Mão hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T. Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho cửa riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan

vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tử và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (vợ nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ đục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ đạ là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cháu đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cháu. Quý Cháu có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cháu.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cháu Nguyễn Hồng Phúc thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net